

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH CÔNG TY DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		SỔ TAY QUY CÁCH
Lần BH: 01	Ngày hiệu lực: 01/01/2018	Ký hiệu: DAY-16
<b>QUY CÁCH KỸ THUẬT</b> <b>KẸP QUAI ÉP 50-70mm<sup>2</sup>, 95-120mm<sup>2</sup>, 150-185mm<sup>2</sup>, 240mm<sup>2</sup></b>		

## I. HẠM VI ÁP DỤNG:

Quy cách kỹ thuật này được áp dụng cho kẹp quai ép.

## II. TIÊU CHUẨN:

- Căn cứ TCVN 3624: Các mối nối tiếp xúc điện - Qui tắc nghiệm thu và phương pháp thử
- Căn cứ AS 1154: Insulator and conductor fittings for overhead power lines.

## III. MÔ TẢ:

- Kẹp quai ép dùng làm mối nối trung gian rẽ nhánh giữa dây đồng và dây nhôm hoặc dây nhôm lõi thép.

- Kẹp quai ép gồm 2 phần:

*a/ Phần quai chữ U:*

- Vật liệu cấu thành : Đồng có độ dẫn điện cao
- Tiết diện : 50mm<sup>2</sup>
- Chiều dài tối thiểu của phần quai bắt vào kẹp hotline: 100 mm

*b/ Phần kẹp nối lưỡng kim:*

- Loại : Đúc sẵn, ép bằng kèm thủy lực
- Vật liệu cấu thành : Hợp kim nhôm có độ dẫn điện cao
- Kẹp nối lưỡng kim dùng để nối quai đồng với dây nhôm lõi thép:
  - + Loại 1: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 50/8mm<sup>2</sup> (đường kính ngoài từ 9,5-10mm) đến 70/11mm<sup>2</sup> (đường kính ngoài 11,2-11,7mm)
  - + Loại 2: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 95/16mm<sup>2</sup> (đường kính ngoài 13,4-13,8mm) đến 120/19mm<sup>2</sup> (đường kính ngoài 14,8-15,3mm)
  - + Loại 3: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 150/19mm<sup>2</sup> (đường kính ngoài 16,5-17,2mm) đến 185/24mm<sup>2</sup> (đường kính ngoài 18,7-19,2mm)
  - + Loại 4: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện 240/32mm<sup>2</sup> (đường kính ngoài 21,5-22,1mm)
- Rãnh tiếp xúc với dây nhôm lõi thép được bôi một lớp electrical jointing compound nhằm chống ăn mòn hoặc oxy hóa và đảm bảo điện trở tiếp xúc nhỏ.
- Trên bề mặt kẹp nối phải có các ký hiệu sau:
  - Tên nhà sản xuất
  - Mã hiệu của kẹp nối rẽ.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH <b>CÔNG TY DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>		<b>SỔ TAY QUY CÁCH</b>
Lần BH: 01	Ngày hiệu lực: 01/01/2018	Ký hiệu: DAY-16
<b>QUY CÁCH KỸ THUẬT</b> <b>KẸP QUAI ÉP 50-70mm<sup>2</sup>, 95-120mm<sup>2</sup>, 150-185mm<sup>2</sup>, 240mm<sup>2</sup></b>		

- Cỡ dây sử dụng
  - Các vị trí ép.
  - Cỡ đai ép
- Điện trở mỗi nối với dây nhôm lõi thép không vượt quá 75% điện trở của dây dẫn được nối có chiều dài tương đương.
  - Điện trở mỗi nối với quai đồng không vượt quá 75% điện trở của dây đồng 50mm<sup>2</sup> có chiều dài tương đương.
  - Dòng ổn định nhiệt trong 2 giây: 5,2KA
  - Nhiệt độ ổn định khi kẹp quai ép mang dòng điện định mức : 90°C

#### **IV. CÁC HẠNG MỤC THỬ NGHIỆM:**

##### **1. Thử nghiệm thường xuyên:**

- Kiểm tra hình dáng bên ngoài.
- Kiểm tra kích thước.

##### **2. Thử nghiệm điển hình:**

- Thử chu kỳ nhiệt
- Thử ổn định nhiệt

##### **3. Thử nghiệm nghiêm thu:**

- Thử ổn định nhiệt

#### **V. BẢNG TÓM TẮT CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT:**

STT	MÔ TẢ	ĐƠN VỊ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
1	Hạng mục			
2	Nhà sản xuất			
3	Nước sản xuất			
4	Mã hiệu			
5	Các yêu cầu kỹ thuật chung trình bày trong bản “YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG”		Đáp ứng	
6	Tiêu chuẩn sản xuất và thử nghiệm		TCVN 3624 AS 1154	
7	Chức năng của kẹp quai ép		Mỗi nối trung gian rẽ nhánh giữa dây đồng và dây nhôm hoặc dây nhôm lõi thép	
8	Phần quai chữ U của kẹp quai			

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH CÔNG TY DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		SỔ TAY QUY CÁCH
Lần BH: 01	Ngày hiệu lực: 01/01/2018	Ký hiệu: DAY-16
<b>QUY CÁCH KỸ THUẬT</b> <b>KẸP QUAI ÉP 50-70mm<sup>2</sup>, 95-120mm<sup>2</sup>, 150-185mm<sup>2</sup>, 240mm<sup>2</sup></b>		

STT	MÔ TẢ	ĐƠN VỊ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
	ép: + Vật liệu cấu thành + Tiết diện + Chiều dài tối thiểu của phần quai bắt vào kẹp hotline	mm <sup>2</sup> mm	Đồng có độ dẫn điện cao 50 100	
9	Phân kẹp nối lưỡng kim: + Loại  + Vật liệu cấu thành  + Kẹp nối lưỡng kim dùng để nối quai đồng với dây nhôm lõi thép. . Loại 1: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 50/8mm <sup>2</sup> đến 70/11 mm <sup>2</sup> . Loại 2: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 95/16mm <sup>2</sup> đến 120/19 mm <sup>2</sup> . Loại 3: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 150/19mm <sup>2</sup> đến 185/24mm <sup>2</sup> . Loại 4: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 240/32mm <sup>2</sup> + Rãnh tiếp xúc với dây nhôm lõi thép được bôi một lớp electrical jointing compound nhằm chống ăn mòn hoặc oxy hóa và đảm bảo điện trở tiếp xúc nhỏ.		Đúc sẵn, ép bằng kèm thủy lực  Hợp kim nhôm có độ dẫn điện cao Đáp ứng  Đáp ứng  Đáp ứng  Đáp ứng  Đáp ứng	
10	Trên bề mặt kẹp nối phải có các ký hiệu sau: - Tên nhà sản xuất - Mã hiệu của kẹp nối rẽ - Cỡ dây sử dụng		Đáp ứng	

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH CÔNG TY DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		SỔ TAY QUY CÁCH
Lần BH: 01	Ngày hiệu lực: 01/01/2018	Ký hiệu: DAY-16
<b>QUY CÁCH KỸ THUẬT</b> <b>KẸP QUAI ÉP 50-70mm<sup>2</sup>, 95-120mm<sup>2</sup>, 150-185mm<sup>2</sup>, 240mm<sup>2</sup></b>		

STT	MÔ TẢ	ĐƠN VỊ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
	- Các vị trí ép - Cỡ đai ép			
11	Điện trở mối nối với dây nhôm lõi thép không vượt quá 75% điện trở của dây dẫn được nối có chiều dài tương đương.		Đáp ứng	
12	Dòng ổn định nhiệt trong 2 giây	KA	5,2	
13	Nhiệt độ ổn định khi kẹp quai ép mang dòng điện định mức	°C	90	

\*\*\* Ghi chú: Đối với hạng mục có thông số thì nhà thầu phải chào cụ thể rõ ràng, không ghi “đáp ứng”.

#### **KẸP QUAI DẠNG ÉP BẰNG KÈM THỦY LỰC (THAM KHẢO)**

